THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 10/5
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Ngữ văn *Literature*	Lịch sử *History*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP & AN National *Defence and Security Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learning Activities	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Phúc Bảo Anh	9.5	8.1	8.5	8.4	9.9	9.1	9.2	9.4	10.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Đào Lê Phương Anh	9.4	8.0	9.1	8.6	9.9	7.3	8.5	8.5	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Bùi Phạm Hải Đăng	8.2	8.0	9.7	8.7	9.8	8.1	8.9	9.3	10.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Phùng Ngọc Hoa Điền	9.5	9.1	9.6	9.5	10.0	9.5	9.6	9.7	10.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Dương Tuấn Hưng	8.1	8.4	8.7	8.2	9.9	8.1	8.3	9.0	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Nguyễn Gia Hưng	5.1	5.4	6.8	6.5	9.2	6.3	6.9	6.2	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
7	Nguyễn Tuấn Khang	9.6	8.9	9.5	9.0	9.9	8.3	9.0	9.5	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Ngô Ngọc Khánh	10.0	9.3	9.8	9.6	9.9	9.3	9.4	9.9	10.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Võ Anh Khôi	8.9	8.9	8.8	8.8	9.9	8.6	9.3	9.3	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Phạm Hồng Thiên Kim	10.0	9.3	9.9	9.3	10.0	9.2	9.6	9.5	10.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Lý Gia Kỳ	9.2	7.1	7.0	7.9	9.8	7.8	8.5	8.4	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
12	Bùi Phạm Hải Mi	9.7	9.3	9.8	9.2	10.0	9.5	9.8	9.7	10.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Vũ Hồng Ngọc	8.0	6.8	9.4	8.5	10.0	7.7	8.8	9.2	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Vũ Hoàng Nhân	9.7	9.6	10.0	9.3	9.9	8.2	8.9	9.6	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Đặng Hoàng Phúc	7.9	6.8	6.1	5.7	9.2	6.7	6.7	4.3	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
16	Trần Đoàn Phương Thư	9.2	8.1	9.3	8.8	9.8	8.0	8.7	9.0	10.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Nguyễn Sinh Toàn	9.8	9.3	9.9	9.3	9.5	8.6	9.2	9.4	10.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*

Nguyễn Thị Bích Đào

GĐCTVN/*VP. Manager*

Đinh Huyền Trang

Kiểm tra/Checked by

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 10/6
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Ngữ văn *Literature*	Lịch sử *History*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP & AN National *Defence and Security Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learning Activities	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Hà Mỹ An	9.9	8.9	9.2	9.8	10.0	9.0	9.1	9.6	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Trần Tuấn Anh	8.3	7.8	8.0	8.3	9.9	8.1	8.7	7.0	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Lê Phước Độ	5.3	7.0	6.4	5.4	8.9	6.9	7.0	5.3	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
4	Nguyễn Lê Chí Hiền	8.2	7.0	9.8	8.0	9.7	7.7	8.4	7.0	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Trần Thanh Hiếu	9.2	8.2	9.1	9.1	9.8	8.4	8.6	7.8	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Nguyễn Hưng	8.8	7.2	9.0	7.1	9.4	7.7	7.7	6.5	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
7	Võ Huỳnh Thiên Khải	7.4	6.5	6.4	7.9	9.1	6.7	7.7	6.5	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
8	Nguyễn Phúc Bảo Kiên	7.6	5.3	6.4	6.1	8.5	5.9	7.9	7.4	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
9	Đỗ Hiển Lân	6.3	5.7	6.5	6.5	10.0	6.4	8.5	5.1	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
10	Lê Nguyễn Gia Linh	8.4	7.3	7.7	6.8	9.7	6.7	7.3	7.0	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Nguyễn Khánh Minh	8.1	6.8	7.6	7.5	9.8	7.7	8.6	8.3	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
12	Nguyễn Hoàng Nam	8.9	8.0	9.5	8.5	9.6	8.0	8.6	7.4	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Trần Ngọc Khánh Nhi	9.5	9.3	9.3	9.3	10.0	8.3	9.0	9.1	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Ngô An Sơn	8.1	7.1	8.7	8.2	9.6	7.2	8.3	6.9	10.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Dương Bích Tâm	8.2	7.0	6.8	7.3	9.4	7.6	7.9	8.4	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
16	Võ Huỳnh Thiên Thanh	9.0	7.1	8.6	9.0	9.8	7.6	8.9	7.6	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Tăng Thượng Tới	8.6	7.3	7.9	8.0	9.9	7.6	8.6	8.3	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Trịnh Hoàng Vũ	7.6	6.8	7.1	6.6	9.4	7.4	7.9	7.2	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
19	Đặng Võ Thiên Vương	8.4	7.5	6.6	7.9	9.6	8.3	8.7	8.3	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Khá**

GVCN/*Class Teacher*

Huỳnh Mộng Thu

GĐCTVN/*VP. Manager*

Đinh Huyền Trang

Kiểm tra/Checked by

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 10/7
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý Physics	Tin học *Computer Science*	Ngữ văn *Literature*	Lịch sử *History*	Địa lý *Geography*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP & AN National *Defence and Security Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learning Activities	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Giáo dục kinh tế và pháp luật *Economic and Legal Education*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Nam An	9.4	8.1	10.0	8.7	8.8	9.6	9.6	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	9.6	**Tốt**	**Tốt**
2	Ngô Thán Di	4.7	5.0	8.5	4.0	5.2	6.2	8.1	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	6.1	**Đạt**	**Tốt**
3	Dương Đỗ Hồng Đức	5.5	5.0	8.7	6.2	6.6	6.1	7.4	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	8.4	**Đạt**	**Tốt**
4	Nguyễn Lê Quỳnh Lam	8.6	7.0	10.0	8.5	8.9	8.8	9.3	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	9.7	**Tốt**	**Tốt**
5	Lê Gia My	8.4	7.3	9.6	7.7	8.4	8.5	9.2	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	9.4	**Tốt**	**Tốt**
6	Phan Kim Bảo Ngọc	6.3	6.5	9.2	6.4	7.3	7.1	6.2	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	8.7	**Khá**	**Tốt**
7	Huỳnh Phạm Thảo Nguyên	6.2	5.6	10.0	8.3	8.4	6.7	9.1	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	9.1	**Khá**	**Tốt**
8	Bùi Quang Nhật	4.8	5.5	9.1	5.6	6.8	6.2	5.7	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	8.5	**Đạt**	**Tốt**
9	Phạm Tuấn Phát	9.2	7.6	9.6	8.8	7.6	8.0	8.7	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	8.4	**Tốt**	**Tốt**
10	Vĩnh Bảo Lam Phương	7.8	5.7	9.3	8.0	7.2	6.5	6.1	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	9.2	**Khá**	**Tốt**
11	Phùng Thiên Thanh	8.4	7.0	10.0	8.5	8.7	8.6	9.7	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	9.6	**Tốt**	**Tốt**
12	Trịnh Thanh Tú	8.9	6.5	9.6	7.2	8.1	7.8	8.5	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	8.8	**Tốt**	**Tốt**
13	Nguyễn Ngọc Xuân Vy	6.2	5.6	9.3	6.6	7.3	6.7	6.8	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	8.1	**Khá**	**Tốt**
14	Đoàn Ngọc Hải Yến	9.2	7.8	9.8	8.7	9.4	9.1	9.4	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	9.7	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*

Bùi Thị Thu Liễu

GĐCTVN/*VP. Manager*

Đinh Huyền Trang

Kiểm tra/Checked by

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 10/8
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý Physics	Tin học *Computer Science*	Ngữ văn *Literature*	Lịch sử *History*	Địa lý *Geography*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP & AN National *Defence and Security Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learning Activities	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Giáo dục kinh tế và pháp luật *Economic and Legal Education*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Đinh Thị Quỳnh Anh	6.1	5.6	8.7	6.8	6.8	6.7	6.6	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	8.6	**Khá**	**Tốt**
2	Phạm Thị Quỳnh Anh	7.7	6.6	9.4	7.3	6.4	7.7	9.7	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	9.0	**Khá**	**Tốt**
3	Đinh Lý Quỳnh Anh	5.4	5.0	9.4	7.3	5.8	5.5	6.3	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	8.5	**Đạt**	**Tốt**
4	Trương Võ Văn Anh	7.9	5.1	9.4	6.9	6.3	7.6	7.9	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	8.5	**Khá**	**Tốt**
5	Hoàng Gia Bảo	4.5	5.0	8.0	4.9	6.4	4.7	7.0	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	7.3	**Đạt**	**Tốt**
6	Nguyễn Ngọc Long Châu	5.7	5.2	8.6	6.5	6.0	6.6	6.3	6.8	Đạt	Đạt	Đạt	7.9	**Đạt**	**Tốt**
7	Nguyễn Hữu Doanh	6.2	6.3	7.7	4.8	6.3	6.3	6.6	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	7.5	**Đạt**	**Tốt**
8	Trần Minh Duy	5.8	5.6	9.0	6.3	5.9	6.9	6.7	7.4	Đạt	Đạt	Đạt	8.1	**Đạt**	**Tốt**
9	Bùi Tiến Minh Khoa	4.8	5.5	9.1	6.9	6.7	6.1	7.0	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	7.8	**Đạt**	**Tốt**
10	Phạm Đăng Khoa	5.7	5.9	9.0	6.4	7.0	7.4	6.5	6.8	Đạt	Đạt	Đạt	8.5	**Khá**	**Tốt**
11	Phạm Hạ Lam	6.0	7.0	9.3	7.8	7.8	8.6	8.6	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	8.8	**Khá**	**Tốt**
12	Nguyễn Thanh Ngọc Minh	6.1	5.4	8.0	7.7	6.2	6.7	5.2	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	8.7	**Đạt**	**Tốt**
13	Hoàng Huệ Trân	5.6	5.5	9.0	7.9	7.7	7.5	8.7	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	8.5	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*

Phan Thị Huyền

GĐCTVN/*VP. Manager*

Đinh Huyền Trang

Kiểm tra/Checked by

Văn Thị Thiên Hà